

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2026

V/v “Ly hôn giữa chị B và anh C”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Ngọc .

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Y B, sinh ngày 10/7/2000.

CCCD số 058300007240 cấp ngày 06/9/2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa.

(Nay là thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phi C, sinh ngày 24/9/1995.

CCCD số 058095004584 cấp ngày 06/8/2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa.

(Nay là thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa).

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-5-2026, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – chị Nguyễn Y B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phi C tiến đến hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2019, tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã N, tỉnh Khánh Hòa). Thời gian chung sống chỉ hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh C không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình nên anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi.

Từ khoảng tháng 6/2026 đến nay hai người không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh C.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thiên Tuệ T, sinh ngày 15/02/2020 và Nguyễn Triệu M, sinh ngày 12/9/2022. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, giao cháu M cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, số nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Phi C vắng mặt không lý do. Quá trình tham gia tố tụng anh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân như chị B trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây hay xảy ra cãi vã. Tuy nhiên, chỉ là mâu thuẫn vặt vãnh, không đến mức trầm trọng. Nay chị B đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thiên Tuệ T, sinh ngày 15/02/2020 và Nguyễn Triệu M, sinh ngày 12/9/2022. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, giao cháu T cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, số nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng của mình tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập có thể thấy rằng giữa vợ chồng chị B và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai người không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị B xin ly hôn với anh C là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị B, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Giao cho chị B nuôi dưỡng cháu T, giao cho anh C nuôi dưỡng cháu M. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Nguyễn Y B khởi kiện, yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Phi C và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – anh Nguyễn Phi C có địa chỉ cư trú tại Thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa (Nay là thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa.

[1.3] Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn – anh Nguyễn Phi C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng đã có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị B và anh C thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, việc kết hôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (Theo trích lục kết hôn số 111/2019, ngày 16/10/2019). Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị B và anh C không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn. Như vậy, căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của hai người được công nhận là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị B trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất

đồng quan điểm, anh C không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, mục đích hôn nhân không theo ý muốn, hai người hiện không còn sống chung, tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên xin ly hôn. Anh C thừa nhận thời gian gần đây hay cãi vã, có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Xác minh tại địa phương thể hiện: Chị B và anh C sinh sống tại thôn T khoảng 03 năm nay. Thời gian gần đây không rõ nguyên nhân gì mà vợ chồng thường xuyên lục đục, cãi vã. Tuy sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau nhưng hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ này cũng không đạt được mục đích hôn nhân.

Từ những phân tích trên, **Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận:** Hôn nhân giữa chị B và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị B và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Thiên Tuệ T, sinh ngày 15/02/2020 và Nguyễn Triệu M, sinh ngày 12/9/2022. Khi ly hôn, cả hai đều thống nhất giao cho chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, giao cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Theo lời khai chị B, cháu T và cháu M hiện đang sinh sống cùng anh C, vẫn đang được nuôi dạy tốt, qua xác minh tại địa phương cũng không ghi nhận thông tin về bạo hành, chị B vẫn thường xuyên qua lại thăm nom, chăm sóc các con, không bị ngăn cản. Pháp luật quy định các đương sự cùng có quyền được nuôi con, cả chị B và anh C đều đủ điều kiện và cùng có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, xét ý kiến, nguyện vọng của các bên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị B: Giao cho chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, giao cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M là phù hợp. Không đương sự nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, số nợ chung:

Không đương sự nào yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Y B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị Nguyễn Y B đã nộp đủ án

phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Nguyễn Y B và anh Nguyễn Phi C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Y B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Y B, sinh ngày 10/7/2000 và anh Nguyễn Phi C, sinh ngày 24/9/1995.

1.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Thiên Tuệ T, sinh ngày 15/02/2020 cho chị Nguyễn Y B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Triệu M, sinh ngày 12/9/2022 cho anh Nguyễn Phi C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đương sự nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung, số nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Y B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0004520 ngày 29/5/2026. Chị Nguyễn Y B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – Chị Nguyễn Y B có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn – Anh Nguyễn Phi C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được công bố hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND KV7 – Khánh Hòa;
- Phòng THADS KV7 – Khánh Hòa;
- UBND xã Ninh Sơn;
- (*TLKH số 111/2019, ngày 16/10/2019*)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thùy Dung